



Thực trạng tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh ở các trường tiểu học thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế

Nguyễn Ái Nhị

Trường Tiểu học Số 2 Tứ Hạ, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế

THÔNG TIN BÀI BÁO

Quá trình xử lý:

Ngày nhận bài: 22/10/2023

Ngày nhận bản chỉnh sửa: 15/11/2023

Ngày nhận đăng: 05/12/2023

Ngày xuất bản: 20/12/2025

Từ khóa:

Trải nghiệm;

Hoạt động trải nghiệm;

Trường tiểu học.

TÓM TẮT

Hoạt động trải nghiệm có vai trò quan trọng trong quá trình giáo dục toàn diện, góp phần hình thành thói quen tích cực và phát triển năng lực giải quyết vấn đề cho học sinh tiểu học. Nghiên cứu này được thực hiện nhằm tìm hiểu thực trạng tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh ở các trường tiểu học thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế. Phương pháp khảo sát bằng bảng hỏi được sử dụng để thu thập ý kiến của 150 cán bộ quản lý và giáo viên tại 5 trường tiểu học trên địa bàn. Kết quả nghiên cứu cho thấy, phần lớn cán bộ quản lý và giáo viên có nhận thức đúng về vai trò của hoạt động trải nghiệm, tạo điều kiện để học sinh thể hiện bản thân. Tuy nhiên, công tác tổ chức hoạt động vẫn còn nhiều hạn chế, đặc biệt là về năng lực và phương thức tổ chức của giáo viên. Đây là cơ sở để đề xuất các biện pháp quản lý phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động này trong thời gian tới.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Theo tinh thần chỉ đạo của Nghị quyết số 29-NQ/TW về đổi mới căn bản, toàn diện Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT): “Nhằm phát huy tính sáng tạo của học sinh (HS), tạo ra các môi trường khác nhau để HS trải nghiệm nhiều nhất, các hoạt động giáo dục trong nhà trường cần thực hiện theo hướng tăng cường trải nghiệm, đồng thời khơi gợi sự sáng tạo, chuyển những ý tưởng của HS thành thực tế để các em có thể thực hiện hết những năng lực của mình. Nói đến trải nghiệm điều đó có nghĩa là HS phải được tham gia thực tế, được tiếp xúc với sự vật hoặc sự kiện nào đó, tạo ra những giá trị mới về vật chất, về tinh thần, đưa ra hướng giải quyết phù hợp với thực tế” (Ban Chấp hành Trung ương Đảng, 2013).

Với định hướng tập trung phát triển trí tuệ, thể chất, hình thành phẩm chất, năng lực công dân, phát hiện và bồi dưỡng năng khiếu, định hướng nghề nghiệp cho HS. Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, chú trọng giáo dục lý tưởng, truyền thống văn hóa, lịch sử, đạo đức, lối sống, ngoại ngữ, tin học, năng lực và kỹ năng thực hành, vận dụng kiến thức vào thực tiễn. Phát triển khả năng sáng tạo, tự học, khuyến khích học tập suốt đời (Quốc hội, 2014). Đảng và Nhà nước đã rất quan tâm đến vấn đề này, chương trình giáo dục phổ thông (CTGDPT) mới được Bộ GD&ĐT ban hành ngày 26 tháng 12 năm 2018 đã đưa hoạt động trải nghiệm (HĐTN) thành hoạt động giáo dục bắt buộc (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018a; 2018b).

HĐTN và quản lý HĐTN được hầu hết các nước quan tâm, nhất là các nước tiếp cận CTGDPT phát triển theo hướng năng lực, chú ý giáo dục nhân văn, giáo dục phẩm chất và kỹ năng sống... Tư tưởng học tập qua trải nghiệm có từ rất sớm, ngay từ cổ đại Khổng Tử (551 - 479 TCN) đã nói: “Quan điểm về phương pháp giáo dục coi trọng thực hành, vận dụng”. Quan điểm về dạy học phải đảm bảo mối liên hệ với đời sống, giáo dục thông qua trò chơi, hoạt động ngoài lớp, ngoài thiên nhiên, đến quá trình nhận thức của con người được Lê-nin khái quát: “Từ trực quan sinh động đến tư duy trừu tượng, từ tư duy trừu tượng đến thực tiễn, đó là con đường biện chứng của sự nhận thức chân lý, nhận thức thực hiện thực khách quan” (Phạm, 2018).

Tham gia hoạt động này, HS phải huy động tổng hợp kiến thức và kỹ năng từ nhiều nguồn, nhiều lĩnh vực giáo dục khác nhau để trải nghiệm thực tiễn cuộc sống nhà trường, gia đình, xã hội, tham gia hoạt động hướng

Tác giả liên hệ: Nguyễn Ái Nhị;

Địa chỉ e-mail: nanhiththa2htra@hue.edu.vn

DOI: <https://doi.org/10.26459/jse.196.2025>

ng nghiệp và hoạt động phục vụ cộng đồng dưới sự hướng dẫn và tổ chức của nhà giáo dục. Qua đó hình thành ở HS những phẩm chất tốt đẹp và năng lực cần thiết (năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động, năng lực định hướng nghề nghiệp, năng lực thích ứng với những biến động cuộc sống và các kỹ năng khác) để trở thành người công dân có trách nhiệm, người lao động có văn hóa, cần cù, sáng tạo... HĐTN thực hiện mục tiêu hình thành phẩm chất, thói quen, kỹ năng sống... thông qua sinh hoạt tập thể, câu lạc bộ, tham gia dự án học tập, các hoạt động xã hội, thiện nguyện, hoạt động lao động,... Bằng HĐTN của bản thân, mỗi HS vừa là người tham gia, vừa là người thiết kế và tổ chức các hoạt động cho chính mình, qua đó tự khám phá, điều chỉnh bản thân, điều chỉnh hoạt động, tổ chức cuộc sống sinh hoạt làm việc có kế hoạch, có trách nhiệm. Mỗi HS cũng bắt đầu xác định được năng lực, sở trường và chuẩn bị một số năng lực cơ bản của người lao động tương lai và người công dân có trách nhiệm.

Thực hiện CTGDPT 2018, HĐTN của HS ở các trường Tiểu học trên địa bàn thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế đã được thực hiện thông qua các hoạt động như: hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động tập thể, dạy học gắn liền với di sản, di tích lịch sử cách mạng, gắn với sản xuất kinh doanh ở địa phương... Tuy nhiên, các HĐTN trong nhà trường vẫn còn mang tính hình thức do chưa nhận thức đúng việc học thông qua trải nghiệm, hiểu đơn giản về HĐTN nên phần lớn chỉ dừng lại ở việc đi thực tế để rõ hơn các vấn đề mới chỉ được tiếp cận từ sách vở. Do đó, việc quản lý, chỉ đạo, tổ chức thực hiện HĐTN của HS trong nhà trường còn chưa phù hợp với định hướng CTGDPT mới. Việc nghiên cứu nhằm đánh giá đúng thực trạng, để từ đó đề ra các biện pháp quản lý nâng cao hiệu quả tổ chức HĐTN cho HS ở các trường tiểu học thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế là hết sức cần thiết, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục ở trường tiểu học, tạo ra môi trường giáo dục tốt nhất cho mọi đối tượng HS.

2. KHÁCH THỂ VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

- *Khách thể nghiên cứu:* Nghiên cứu được tiến hành khảo sát đối với 105 cán bộ quản lý (CBQL) và giáo viên (GV) tại 05 trường, bao gồm: Trường Tiểu học Số 2 Hương Toàn; Trường Tiểu học Bình Điền; Trường Tiểu học Số 2 Tứ Hạ; Trường Tiểu học Số 2 Hương Xuân; Trường Tiểu học Bình Thành.

- *Phương pháp nghiên cứu:* Chúng tôi sử dụng phương pháp chính là điều tra bằng bảng hỏi để khảo sát thực trạng HĐTN ở các trường tiểu học thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế, gồm các bộ phiếu điều tra dành cho HS, GV và CBQL. Phiếu điều tra được thiết kế theo thang bậc 5 bậc ứng với các mức độ, trong đó điểm thấp nhất là 1, điểm cao nhất là 5. Giá trị khoảng cách = $(\text{Maximum} - \text{Minimum})/n = (5 - 1)/5 = 0.80$. Theo đó, thang đo khoảng theo giá trị điểm trung bình (ĐTB) được quy ước như sau: 1.0 - 1.80: Hoàn toàn không phù hợp/ Hoàn toàn không thường xuyên; 1.81 - 2.60: Không phù hợp/ Không thường xuyên; 2.61 - 3.40: Tương đối phù hợp/ Tương đối thường xuyên; 3.41 - 4.20: Phù hợp/ Thường xuyên; 4.21 - 5.00: Rất phù hợp/ Rất thường xuyên.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Thực trạng mục tiêu hoạt động trải nghiệm của học sinh ở trường Tiểu học

Căn cứ vào chương trình của HĐTN được ban hành kèm Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT, ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT, trong đó xác định mục tiêu của HĐTN cấp Tiểu học là “hình thành cho HS thói quen tích cực trong cuộc sống hằng ngày, chăm chỉ lao động; thực hiện trách nhiệm của người HS ở nhà, ở trường và địa phương; biết tự đánh giá và tự điều chỉnh bản thân; hình thành những hành vi giao tiếp, ứng xử có văn hoá; có ý thức hợp tác nhóm và hình thành được năng lực giải quyết vấn đề” (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018a). Căn cứ vào mục tiêu này, các trường tiểu học xác định mục tiêu có tính cụ thể, đồng bộ và phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường để tổ chức HĐTN của HS. Kết quả khảo sát sự đánh giá của CBQL, GV, HS tại các trường tiểu học trên địa bàn thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế về mức độ đáp ứng mục tiêu của HĐTN được thể hiện qua bảng 1.

Kết quả khảo sát ở bảng 1 cho thấy, cả 2 nhóm khách thể khảo sát là CBQL, GV và HS đã đánh giá mục tiêu của tổ chức HĐTN tại các trường Tiểu học trên địa bàn nghiên cứu là “phù hợp”, với ĐTB chung đánh giá của CBQL, GV là 4.38 và của HS là 3.99; không có sự khác biệt nhiều trong ĐTB chung đánh giá của 2 nhóm khách thể này. Tuy nhiên, có sự khác biệt khá rõ rệt về thứ bậc ĐTB giữa các tiêu chí khảo sát.

CBQL, GV đánh giá mục tiêu “Giúp HS khám phá bản thân” với ĐTB cao nhất (ĐTB = 4.38; DLC = 0.65); trong khi đó, đây là mục tiêu HS đánh giá với ĐTB thấp nhất (ĐTB = 3.45; DLC = 1.09). Ngược lại, mục tiêu “Giúp HS thể hiện giá trị bản thân, thiết lập được các mối quan hệ giữa cá nhân với cá nhân, cá nhân với tập thể, cá nhân với môi trường xung quanh” được CBQL, GV đánh giá thấp nhất (ĐTB = 3.95; DLC = 0.65); trong khi đó, mục tiêu này được HS đánh giá với ĐTB cao nhất (ĐTB = 4.24; DLC = 0.86). Sự khác biệt này có thể được lý giải do xuất phát từ vị trí và trình độ nhận thức của 2 nhóm khách thể khác nhau.

Bảng 1. Đánh giá của CBQL, GV và HS về mục tiêu HDTN ở trường tiểu học

STT	Mục tiêu của HDTN	CBQL, GV		HS	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
1	Giúp HS khám phá bản thân	4.38	0.65	3.45	1.09
2	Giúp HS rèn luyện bản thân	4.00	0.63	4.08	0.95
3	Giúp HS thể hiện giá trị bản thân, thiết lập được các mối quan hệ giữa cá nhân với cá nhân, cá nhân với tập thể, cá nhân với môi trường xung quanh	3.95	0.65	4.24	0.86
4	Giúp HS tham gia trực tiếp vào các hoạt động nhằm nâng cao sự hiểu biết và tiếp thu các giá trị truyền thống của dân tộc và những giá trị tốt đẹp của nhân loại; xây dựng mối quan hệ với bạn bè, người thân trong gia đình, thầy cô giáo	4.09	0.68	4.01	0.95
5	Giúp HS hình thành các kỹ năng, rèn luyện và phát triển các năng lực tự hoàn thiện, năng lực giao tiếp, ứng xử, năng lực hợp tác, ...	3.99	0.62	4.15	0.84

*Chú thích: ĐTB: Điểm trung bình, $1 \leq \text{ĐTB} \leq 5$; ĐLC: Độ lệch chuẩn

Các mục tiêu còn lại có sự tương đồng trong đánh giá của CBQL, GV và HS: “Giúp HS rèn luyện bản thân”; “Giúp HS tham gia trực tiếp vào các hoạt động nhằm nâng cao sự hiểu biết và tiếp thu các giá trị truyền thống của dân tộc và những giá trị tốt đẹp của nhân loại; xây dựng mối quan hệ với bạn bè, người thân trong gia đình, thầy cô giáo” và “Giúp HS hình thành các kỹ năng, rèn luyện và phát triển các năng lực tự hoàn thiện, năng lực giao tiếp, ứng xử, năng lực hợp tác, ...”. ĐTB đánh giá các mục tiêu này phân bố từ 3.99 đến 4.15.

Tóm lại, các trường Tiểu học thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế về cơ bản đã đáp ứng được mục tiêu của HDTN của HS. Các mục tiêu của HDTN có sự thống nhất với mục tiêu giáo dục toàn diện cho HS về kiến thức, kỹ năng, đáp ứng yêu cầu của xã hội. Tuy nhiên, trên thực tế vẫn còn nhiều GV còn tập trung vào các hoạt động giảng dạy chuyên môn; các HDTN của HS còn mang tính hình thức, chưa được chú trọng đúng mức.

3.2. Thực trạng nội dung của hoạt động trải nghiệm của học sinh ở trường tiểu học

Thông qua khảo sát CBQL, GV và HS về thực trạng triển khai các nội dung của HDTN ở các trường Tiểu học thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế. Kết quả cho thấy, các trường đã quan tâm triển khai nhiều nội dung của HDTN với các mức độ khác nhau, thể hiện qua bảng 2.

Bảng 2. Đánh giá của CBQL, GV và HS về nội dung HDTN của HS ở trường tiểu học

STT	Nội dung của HDTN	CBQL, GV		HS	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
1	Hoạt động hướng vào bản thân	3.90	0.63	3.72	1.08
2	Hoạt động hướng đến xã hội	4.24	0.77	3.83	1.07
3	Hoạt động hướng đến tự nhiên	3.91	0.63	3.78	1.02
4	Hoạt động hướng nghiệp	3.64	0.68	3.56	0.97

*Chú thích: ĐTB: Điểm trung bình, $1 \leq \text{ĐTB} \leq 5$; ĐLC: Độ lệch chuẩn

Kết quả khảo sát ở bảng 2 cho thấy, cả 2 nhóm khách thể khảo sát là CBQL, GV và HS đã đánh giá việc thực hiện các nội dung HDTN tại các trường Tiểu học trên địa bàn nghiên cứu là “thường xuyên”, với ĐTB chung đánh giá của CBQL, GV là 3.92 và của HS là 3.72; không có sự khác biệt nhiều trong ĐTB chung đánh giá của 2 nhóm khách thể này.

Cả CBQL, GV và HS đều đánh giá nội dung “Hoạt động hướng đến xã hội” với ĐTB cao nhất (CBQL, GV đánh giá ĐTB = 4.24; ĐLC = 0.77; HS đánh giá ĐTB = 3.83; ĐLC = 1.07). Kết quả này cho thấy các nhà trường rất quan tâm trong tổ chức HDTN hướng đến giúp HS hình thành những năng lực xã hội như: Quan tâm, chăm sóc người thân và các quan hệ trong gia đình; Tham gia các công việc của gia đình; Xây dựng và phát triển quan hệ với bạn bè và thầy cô;... Nội dung được đánh giá với ĐTB cao thứ hai là “Hoạt động hướng đến tự nhiên” (CBQL, GV đánh giá ĐTB = 3.91; ĐLC = 0.63; HS đánh giá ĐTB = 3.78; ĐLC = 1.02); tiếp theo là nội dung “Hoạt động hướng vào bản thân” (CBQL, GV đánh giá ĐTB = 3.90; ĐLC = 0.63; HS đánh giá ĐTB = 3.72; ĐLC = 1.08). Nội dung được đánh giá thấp nhất là “Hoạt động hướng nghiệp” (CBQL, GV đánh giá ĐTB = 3.64; ĐLC = 0.68; HS đánh giá ĐTB = 3.56; ĐLC = 0.97).

Tóm lại, các trường Tiểu học thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế đã quan tâm thực hiện các nội dung của chương trình HDTN cấp Tiểu học. Trong đó, nội dung “Hoạt động hướng đến xã hội” thực hiện nhiều nhất và nội dung “Hoạt động hướng nghiệp” thực hiện ít nhất. Do đó, để các nội dung của HDTN nói chung, hoạt động hướng đến xã hội nói riêng được thực hiện thường xuyên và đem lại hiệu quả hơn, CBQL nhà trường cần xây dựng kế hoạch HDTN có sự phân phối cho phù hợp, nhằm đảm bảo sự hài hoà giữa các nội dung.

3.3. Thực trạng phương thức tổ chức các hoạt động trải nghiệm của học sinh ở trường tiểu học

HĐTN được tổ chức với nhiều phương pháp, hình thức khác nhau. Hiệu quả của HĐTN phụ thuộc vào phương thức và các loại hình tổ chức. Để tìm hiểu thực tế mức độ thực hiện các phương thức tổ chức HĐTN của HS các trường Tiểu học thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế, chúng tôi tiến hành khảo sát nội dung này và kết quả thu được thể hiện trong bảng 3.

Bảng 3. Đánh giá của CBQL, GV và HS về phương thức tổ chức HĐTN của HS ở trường tiểu học

STT	Phương thức của HĐTN	CBQL, GV		HS	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
1	Phương thức khám phá (bao gồm các hoạt động tham quan, cắm trại, thực địa và các phương thức tương tự khác)	3.62	0.75	4.10	0.88
2	Phương thức thể nghiệm, tương tác (bao gồm các hoạt động diễn đàn, đóng kịch, hội thảo, hội thi, trò chơi và các phương thức tương tự khác)	3.77	0.76	3.83	1.00
3	Phương thức cống hiến (bao gồm các hoạt động tình nguyện nhân đạo, lao động công ích, tuyên truyền và các phương thức tương tự khác)	3.81	0.59	4.15	0.80
4	Phương thức nghiên cứu (bao gồm các hoạt động khảo sát, điều tra, làm dự án nghiên cứu, sáng tạo công nghệ, nghệ thuật và các phương thức tương tự khác)	3.39	0.92	3.63	1.02

*Chú thích: ĐTB: Điểm trung bình, $1 \leq \text{ĐTB} \leq 5$; ĐLC: Độ lệch chuẩn

Theo kết quả bảng 3 khảo sát đối với CBQL, GV cho thấy tất cả 4 phương thức đều được nhà trường thực hiện ở mức độ khác nhau khi tổ chức HĐTN thể hiện qua kết quả trung bình dao động từ 3.39 đến 3.81. Trong đó 03 phương thức đều được nhà trường sử dụng nhiều là: “*Phương thức cống hiến*”, “*Phương thức thể nghiệm, tương tác*” và “*Phương thức khám phá*” lần lượt có điểm trung bình cao là 3.81; 3.77; 3.62. Vì đây là những phương thức dễ thực hiện từ hoạt động chính khóa đến hoạt động ngoại khóa, GV có kỹ năng, được rèn luyện nhiều. Còn “*Phương thức nghiên cứu*” GV ít quan tâm, sử dụng không thường xuyên với ĐTB rất thấp là 3.39 vì đây là những phương thức cần đầu tư thời gian, đặc biệt GV không có kinh nghiệm, không có năng lực tổ chức và không được hỗ trợ các lực lượng bên ngoài. Vì vậy, phương thức này với ĐTB thấp phản ánh đúng với thực tế hiện nay.

Trong khi đó, theo HS các trường khảo sát đánh giá, các em lại cho rằng các phương thức tổ chức HĐTN trên đều được tổ chức thường xuyên. Trong đó, “*Phương thức khám phá và phương thức cống hiến*” được các em đánh giá là được tổ chức nhiều hơn cả với ĐTB lần lượt là 4.10; 4.15. Nghĩa là lâu nay các trường ít sử dụng các phương thức tổ chức các HĐTN, không chú ý đến sự phù hợp hay sự hứng thú của HS, chỉ tổ chức theo thuận lợi sẵn có, không vận dụng linh hoạt các hình thức tổ chức HĐTN. Thậm chí chỉ dùng phương thức dễ thực hiện, không tốn nhiều công sức, kinh phí, thời gian. Và cũng như CBQL và GV đánh giá, các em cũng nhận thấy rằng “*phương thức nghiên cứu*” ít được các trường quan tâm và ít được tổ chức. Đây là một thực trạng, một hạn chế hiện nay các trường Tiểu học trên địa bàn thị xã Hương Trà tỉnh Thừa Thiên Huế mà các nhà quản lý cần quan tâm.

Do vậy, các nhà quản lý cần đa dạng hóa các phương thức và cách thức tổ chức HĐTN của HS để các hoạt động này thu hút được đông đảo HS tham gia và mang lại hiệu quả cao hình thành phẩm chất, năng lực cho HS tiểu học.

3.4. Thực trạng các lực lượng tham gia tổ chức hoạt động trải nghiệm của học sinh ở trường Tiểu học

HĐTN có khả năng thu hút sự tham gia, phối hợp, liên kết nhiều lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường như: GV chủ nhiệm, GV bộ môn, Đội thiếu niên Tiền Phong HCM, Ban giám hiệu nhà trường, cha mẹ HS, chính quyền địa phương, Hội Khuyến học, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, các cơ quan, tổ chức doanh nghiệp ở địa phương, các nhà hoạt động xã hội, những người lao động tiêu biểu ở địa phương.... Để đánh giá được thực trạng phối hợp các lực lượng trong và ngoài nhà trường tham gia tổ chức HĐTN của HS, tác giả đã tiến hành khảo sát CBQL, GV, kết quả thu được thể hiện ở bảng 4.

Bảng 4. Đánh giá của CBQL, GV về các lực lượng tham gia tổ chức HĐTN của HS ở trường tiểu học

STT	Các lực lượng tham gia	ĐTB	ĐLC
1	Hiệu trưởng, Ban giám hiệu và các tổ chức trong trường.	3.91	0.62
2	GV chủ nhiệm, GV bộ môn, Đội thiếu niên Tiền Phong Hồ Chí Minh	3.95	0.70
3	Hội cha mẹ HS	3.12	0.71
4	Các tổ chức xã hội.	3.15	0.78
5	Các nhà tài trợ.	2.86	0.82
6	Các khối lớp	3.91	0.65

*Chú thích: ĐTB: Điểm trung bình, $1 \leq \text{ĐTB} \leq 5$; ĐLC: Độ lệch chuẩn

Bảng 4 cho thấy: ĐTB đánh giá của CBQL, GV về các lực lượng tham gia tổ chức HĐTN của HS ở các trường tiểu học trên địa bàn khảo sát từ 2.86 đến 3.95, ứng với mức độ “thường xuyên” tham gia. Trong đó, “GV chủ nhiệm, GV bộ môn, Đội thiếu niên Tiền Phong HCM” được đánh giá tích cực nhất, với ĐTB là 3.95. Bên cạnh đó, sự phối hợp “Hiệu trưởng, Ban giám hiệu và các tổ chức trong trường”; sự phối hợp “Các khối lớp” cũng được chú ý, ĐTB đánh giá của CBQL, GV cho 2 lực lượng này cùng là 3.91. Trao đổi thêm về điều này, cô L.T.N.M, GV trường Tiểu học Số 2 Hương Toàn cho biết: “*Trên thực tế, lực lượng này triển khai thực hiện các nội dung, phương thức HĐTN của HS dưới sự chỉ đạo, quán triệt của CBQL nhà trường. Để làm tốt công việc của mình, cán bộ phụ trách công tác Đội và GVCN đôi khi phải tham mưu cho cấp trên về nội dung, phương thức tổ chức các HĐTN của HS phù hợp với thực tế, điều kiện của nhà trường để có hiệu quả nhất. Đây cũng là các lực lượng tiếp xúc trực tiếp với HS; đặc biệt, đội ngũ cán bộ Đội thường là lực lượng trẻ, nhiệt huyết, năng động và sáng tạo*”.

Sự phối hợp với “Các nhà tài trợ”; “Các tổ chức xã hội” được CBQL, GV đánh giá với ĐTB thấp nhất (2.86 và 3.15). Trong khi đó, các loại hình của HĐTN khá đa dạng, có thể được tổ chức trong và ngoài trường học. Việc phối hợp với chính quyền địa phương để tăng cường sự chỉ đạo cũng như hỗ trợ các nguồn lực tổ chức HĐTN cho HS là rất cần thiết. Do vậy, đội ngũ CBQL, GV các nhà trường cần quan tâm hơn nữa đến sự phối hợp với lực lượng này để các HĐTN diễn ra hiệu quả hơn.

Có thể thấy rằng, thực trạng phối hợp các lực lượng trong và ngoài nhà trường tham gia tổ chức HĐTN được đánh giá chưa thực sự tốt. Việc tổ chức HĐTN của HS các trường Tiểu học thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế hiện nay phần lớn là do các lực lượng trong nhà trường thực hiện. Các lực lượng ngoài nhà trường tham gia rất ít. Vì thế cần có các biện pháp khắc phục thực trạng trên để huy động sự tham gia tích cực hơn của các lực lượng giáo dục.

3.5. Thực trạng các điều kiện hỗ trợ hoạt động trải nghiệm của học sinh ở trường Tiểu học

Tổ chức HĐTN của HS ở trường Tiểu học không thể được thực hiện nếu thiếu các điều kiện về nhân lực, vật lực và tài lực. Các điều kiện này là điều kiện cần và đủ để nhà giáo dục tiến hành các hoạt động giáo dục nói chung và HĐTN của HS nói riêng. Kết quả khảo sát mức độ đáp ứng của các điều kiện hỗ trợ HĐTN của HS tại các trường Tiểu học thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế được CBQL, GV đánh giá thông qua bảng 5.

Bảng 5. Đánh giá của CBQL, GV về các điều kiện hỗ trợ HĐTN của HS ở trường Tiểu học

STT	Các điều kiện tổ chức HĐTN	ĐTB	ĐLC
1	Cơ sở vật chất, tài chính phục vụ HĐTN	3.92	0.69
2	Mức độ quan tâm của cha mẹ HS và các lực lượng tham gia HĐTN	4.03	0.70
3	Mức độ phù hợp của các nội dung của HĐTN	3.88	0.87
4	Sự đa dạng và phong phú của các HĐTN	3.89	0.97
5	Các phương tiện, trang thiết bị và đồ dùng phục vụ HĐTN	3.64	0.81

*Chú thích: ĐTB: Điểm trung bình, $1 \leq \text{ĐTB} \leq 5$; ĐLC: Độ lệch chuẩn

Bảng số liệu 5 cho thấy, “Cơ sở vật chất và tài chính phục vụ HĐTN”; “Mức độ quan tâm của cha mẹ HS và các lực lượng tham gia HĐTN” ở các trường đều được thực hiện và quan tâm thể hiện ở số liệu khảo sát cao nhất với ĐTB lần lượt là 3.92 và 4.03 (ĐLC= 0.69, 0.70). Chia sẻ thêm về điều này, cô N.T.M.N, GV trường Tiểu học Số 2 Hương Xuân cho biết: “*Hiện nay ở các trường Tiểu học, HĐTN đã trở thành một hoạt động bắt buộc trong hoạt động giáo dục HS. Trong khi đó, các điều kiện hỗ trợ cho HĐTN của HS hiện nay rất hạn chế, GV chủ yếu sử dụng trang thiết bị hiện có trong nhà trường. Vì vậy, việc đầu tư về cơ sở vật chất và tài chính phục vụ HĐTN cũng như mức độ quan tâm của cha mẹ HS và các lực lượng tham gia HĐTN của nhà trường được quan tâm nhiều*”.

Nội dung “Sự đa dạng và phong phú của các HĐTN” và “Mức độ phù hợp của các nội dung của HĐTN” là hai điều kiện quan trọng, đảm bảo để HĐTN diễn ra thành công cho nên cũng được CBQL, GV đánh giá cao với ĐTB lần lượt là 3.89; 3.88. Điều này cho thấy các nhà trường rất quan tâm đến nội dung chương trình cũng như các phương thức tổ chức HĐTN cho HS. Trong khi đó, nội dung “Các phương tiện, trang thiết bị và đồ dùng phục vụ HĐTN” lại không được các nhà trường quan tâm nhiều, ĐTB = 3.64. Trên thực tế, các phương tiện, trang thiết bị và đồ dùng phục vụ HĐTN chưa được đầu tư. Điều này gây ra khó khăn cho GV khi tổ chức HĐTN.

Tóm lại, các điều kiện hỗ trợ HĐTN của HS ở trường Tiểu học ở thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế đã được CBQL các nhà trường quan tâm thực hiện nhưng vẫn còn hạn chế. Do đó, để nâng cao hiệu quả công tác này, CBQL nhà trường cần có những biện pháp để tăng nguồn kinh phí cho hoạt động, đảm bảo lợi ích cho cán bộ chuyên trách, GV trực tiếp tham gia tổ chức HĐTN của HS.

3.6. Thực trạng đánh giá kết quả hoạt động trải nghiệm của học sinh ở trường Tiểu học

Kết quả đánh giá là căn cứ để nhà trường điều chỉnh chương trình phù hợp và định hướng HS tiếp tục rèn luyện. Vì vậy kết quả đánh giá phải đảm bảo tính chính xác, kịp thời để nhà trường biết được năng lực, phẩm chất của HS cũng như sự tiến bộ của HS sau mỗi HĐTN. Để tìm hiểu thực trạng đánh giá kết quả HĐTN, chúng tôi tiến hành khảo sát CBQL, GV và kết quả thu được thể hiện trong bảng số liệu 6.

Bảng 6. Thực trạng đánh giá của CBQL, GV về kết quả HĐTN của HS ở các trường tiểu học

STT	Đánh giá kết quả HĐTN của HS ở trường Tiểu học	Mức độ đánh giá	
		ĐTB	ĐLC
1	Đánh giá mức độ nhận thức vấn đề sau khi tham gia HĐTN của HS.	3.64	0.78
2	Đánh giá về tinh thần, thái độ, ý thức trách nhiệm của HS khi tham gia HĐTN	3.43	0.81
3	Đánh giá về các kĩ năng của HS trong việc thực hiện các HĐTN.	3.58	0.92
4	Đánh giá về thời lượng tham gia các hoạt động.	3.55	0.73
5	Đánh giá về sự đóng góp của HS trong việc tạo nên các thành tích chung của tập thể.	3.41	0.70
6	Kết quả đánh giá được sử dụng để cán bộ quản lí và GV điều chỉnh chương trình phù hợp.	3.52	0.82

*Chú thích: ĐTB: Điểm trung bình, $1 \leq \text{ĐTB} \leq 5$; ĐLC: Độ lệch chuẩn

Bảng 6 cho thấy, thực trạng đánh giá kết quả HĐTN của HS ở các trường Tiểu học trên địa bàn nghiên cứu được CBQL, GV đánh giá với mức độ thường xuyên thực hiện (ĐTB = 3.52; ĐLC = 0.77).

Nhóm các tiêu chí được CBQL, GV đánh giá với ĐTB cao hơn cả gồm: “Đánh giá mức độ nhận thức vấn đề sau khi tham gia HĐTN của HS” (ĐTB = 3.64; ĐLC = 0.78); “Đánh giá về tinh thần, thái độ, ý thức trách nhiệm của HS khi tham gia HĐTN” (ĐTB = 3.58; ĐLC = 0.92) và “Đánh giá về các kĩ năng của HS trong việc thực hiện các hoạt động” (ĐTB = 3.55; ĐLC = 0.73). Trên thực tế, các nhà trường đã xây dựng được quy trình đánh giá chi tiết, trong đó, các lực lượng phối hợp cùng GV xây dựng phiếu đánh giá cho từng hoạt động lớn và các hoạt động học tập nhỏ. Sau mỗi HĐTN, nhà trường đều thu thập ý kiến tự đánh giá của HS và cha mẹ HS. Từ kết quả đánh giá, nhà trường xây dựng nội dung định hướng HS tiếp tục rèn luyện với sự phối hợp hướng dẫn của CMHS.

Bên cạnh đó, các tiêu chí chưa được CBQL, GV đánh giá cao là “Kết quả đánh giá được sử dụng để cán bộ quản lí và GV điều chỉnh chương trình phù hợp” (ĐTB = 3.52; ĐLC = 0.82); “Đánh giá về thời lượng tham gia các hoạt động” (ĐTB = 3.43; ĐLC = 0.81) và “Đánh giá về sự đóng góp của HS trong việc tạo nên các thành tích chung của tập thể” (ĐTB = 3.41; ĐLC = 0.70).

Kết quả trên cho thấy các trường Tiểu học thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế đã thường xuyên quan tâm đến đánh giá kết quả HĐTN của HS nhưng hiệu quả đạt được chưa cao. Việc đánh giá kết quả HĐTN của HS vẫn còn mang tính hình thức, chưa khuyến khích được HS có ý thức tích cực, tự giác tự học. Do đó, CBQL các cấp và các nhà trường cần quan tâm hơn đến cơ chế kiểm tra, đánh giá để tạo động lực cho các lực lượng tham gia tổ chức HĐTN; các hình thức đánh giá kết quả HĐTN của HS thực sự thiết thực, vì mục tiêu phát triển HS và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

4. KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu cho thấy, việc tổ chức HĐTN cho HS ở các trường tiểu học thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế trong thời gian qua đã có sự chuyển biến tích cực. Phần lớn CBQL, GV có nhận thức đúng đắn và rõ ràng về vai trò của tổ chức HĐTN cho HS. Các nội dung, hình thức HĐTN mà nhà trường đã thực hiện cơ bản phù hợp với tình hình chung, tuy nhiên cần đa dạng hóa hơn nữa nội dung, phong phú hơn hình thức thể hiện. Bên cạnh đó, phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả HĐTN của HS chưa được cụ thể và chưa có các hình thức động viên, khen thưởng kịp thời. Công tác phối hợp các lực lượng giáo dục trong và ngoài trường để tổ chức HĐTN cho HS đã được các nhà trường quan tâm nhưng cần sâu sát, bao quát hơn; cần tăng cường công tác phối hợp với chuyên gia để bồi dưỡng cho GV năng lực tổ chức HĐTN. Thực trạng này cho thấy cần thiết phải tìm ra các biện pháp phù hợp, mang tính khả thi để nâng cao hơn nữa hiệu quả tổ chức HĐTN cho HS ở các trường tiểu học trên địa bàn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Ban Chấp hành Trung ương Đảng. (2013). *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2018a). *Chương trình giáo dục phổ thông – Chương trình tổng thể* (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018).

- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2018b). *Chương trình giáo dục phổ thông – Hoạt động trải nghiệm và Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp* (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018).
- Phạm, T. H. (2018). *Bồi dưỡng năng lực tổ chức hoạt động trải nghiệm cho giáo viên các trường phổ thông dân tộc bán trú trung học cơ sở huyện Nậm Pồ, tỉnh Điện Biên* (Luận văn thạc sĩ). Trường Đại học Sư phạm, Đại học Thái Nguyên.
- Quốc hội. (2014). *Nghị quyết số 88/2014/QH13 ngày 28 tháng 11 năm 2014 về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông*.

Current status of organizing experience activities for students in primary schools in Huong Tra town, Thua Thien Hue province

Nguyen Ai Nhi

No. 2 Tu Ha Primary School, Huong Tra Town, Thua Thien Hue Province

ARTICLE INFO

Article history:

Received: 22 October 2023

Received in revised form: 15 November 2023

Accepted: 05 December 2023

Published: 20 December 2025

Keywords:

Experience;

Experiential activities;

Primary school.

Corresponding author:

Nguyen Ai Nhi

E-mail address:

nanhiththa2htra@hue.edu.vn

ABSTRACT

Experiential activities play an important role in the comprehensive education process, contributing to the formation of positive habits and the development of problem-solving skills for primary school students. This study investigates the current situation of organizing experiential activities for students in primary schools in Huong Tra town, Thua Thien Hue province. A questionnaire survey method was used to collect opinions from 150 managers and teachers at 5 primary schools in the area. The research results show that most managers and teachers have a correct understanding of the role of experiential activities, creating conditions for students to express themselves. However, the organization of activities still has many limitations, especially in terms of teachers' capacity and organization methods. This is the basis for proposing appropriate management measures to improve the effectiveness of these activities in the coming time.